TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 86/2018/HNGĐ- ST
Ngày 28/8/2018
V/v: Ly hôn giữa chị Q với anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái;
2. Ông Nguyễn Duy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Định- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 30 tháng 7 năm 2018; ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 158/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2018 về việc: "Ly hôn giữa chị Q với anh T" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXX- ST ngày 13 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày: Ngày 21/9/2006 âm lịch, chị kết hôn với anh Nguyễn Trọng T. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Sau đám cưới chị về và anh anh T về chung sống cùng nhau ngay. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã được gia đình hai bên động viên khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế với anh T. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Trọng T trình bày: Năm 2006, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Q trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Sau đám cưới, anh chị về chung sống cùng bố mẹ anh ngay. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2014 thì sau nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có chung quan điểm sống. Chị Q đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở, từ đó anh chị đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị Q xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Trọng T vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Q được ly hôn anh T. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Q và anh Trọng T, nhưng anh T vắng mặt, chị Q có mặt nhưng vắng mặt khi tuyên án. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q với anh Nguyễn Trọng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lục Nam ngày 08/11/2006, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị Q, anh T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị Q và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Q ly hôn với anh Nguyễn Trọng T.

[3]. Về con chung: Chị Q, anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Trọng T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003128 ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *VKSND tỉnh;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *Ủy ban nhân xã P;*
- *Lưu hồ sơ, v/p.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân

TAND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 86/2018/HNGĐ- ST

Ngày 28/8/2018
V/v: Ly hôn giữa chị Q với anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái;
2. Ông Nguyễn Duy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Định- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 30 tháng 7 năm 2018; ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 158/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2018 về việc: "Ly hôn giữa chị Q với anh T" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXX- ST ngày 13 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

2. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày: Ngày 21/9/2006 âm lịch, chị kết hôn với anh Nguyễn Trọng T. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Sau đám cưới chị về và anh anh T về chung sống cùng nhau ngay. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã được gia đình hai bên động viên khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế với anh T. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Trọng T trình bày: Năm 2006, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Q trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Sau đám cưới, anh chị về chung sống cùng bố mẹ anh ngay. Thời

gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2014 thì sau nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có chung quan điểm sống. Chị Q đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở, từ đó anh chị đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị Q xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Trọng T vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Q được ly hôn anh T. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Q và anh Trọng T, nhưng anh T vắng mặt, chị Q có mặt nhưng vắng mặt khi tuyên án. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q với anh Nguyễn Trọng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lục Nam ngày 08/11/2006, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị Q, anh T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị Q và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Q ly hôn với anh Nguyễn Trọng T.

[3]. Về con chung: Chị Q, anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Trọng T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003128 ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân